

5. **Phạm Thị Tuyết (2019)**, Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến tuân thủ điều trị của người bệnh đái tháo đường type 2 điều trị ngoại trú tại bệnh viện Nội tiết Trung Ương năm 2019, Luận văn Thạc sỹ Y tế công cộng, Đại học Thăng Long, Hà Nội.
6. **Phạm Thị Kim Yến, Cao Mỹ Phượng, Thạch Thị Mỹ Phượng, et al. (2021)**. Tuân thủ điều trị và yếu tố liên quan ở bệnh nhân đái tháo đường điều trị ngoại trú tại Bệnh viện đa khoa Trà Vinh. *Vietnam J Diabetes Endocrinol*, (46), 139–145.
7. **Nguyễn Kim Thúy and Lê Nữ Thanh Uyên (2022)**. Tuân thủ điều trị và các yếu tố liên quan ở bệnh nhân đái tháo đường type 2 điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Quân Y 7A năm 2021. *Tạp Chí Nghiên Cứu Y Học*, 26(2), 249–256.
8. **Phạm Thanh Hương (2018)**. Một số yếu tố liên quan đến tuân thủ điều trị ở bệnh nhân đái tháo đường type 2 điều trị tại Bệnh viện Bạch Mai. *Tạp Chí Y Học Việt Nam*, 469(Tháng 8-Số 1 & 2).
9. **Phạm Hoàng Anh, Nguyễn Thị Thu Hà, Lê Thị Thảo Ly, et al. (2021)**. Thực trạng tuân thủ dinh dưỡng của người bệnh đái tháo đường type 2 điều trị ngoại trú tại bệnh viện Nội tiết Trung ương năm 2021 và một số yếu tố liên quan. *Tạp Chí Nghiên Cứu Y Học*, 146(10), 158–166.

TÌNH TRẠNG SUY DINH DƯỠNG VÀ THÓI QUEN ĂN UỐNG CỦA NGƯỜI CAO TUỔI TẠI MỘT SỐ PHƯỜNG THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH NĂM 2022

Vũ Thị Nhung¹

TÓM TẮT

Nghiên cứu cắt ngang được tiến hành trên 249 người cao tuổi sống tại 2 phường Mỹ Xá và Lộc Hòa, thành phố Nam Định năm 2022 với mục tiêu đánh giá tình trạng suy dinh dưỡng và thói quen ăn uống của đối tượng nghiên cứu dựa trên công cụ MNA và bộ câu hỏi được thiết kế sẵn. Kết quả: Tỷ lệ người cao tuổi có nguy cơ suy dinh dưỡng và suy dinh dưỡng lần lượt là 30,9% và 10,4%. Về thói quen ăn uống, các đối tượng có thói quen chế biến luộc, xào là chủ yếu với 94% và 93,2%, thấp nhất là phương pháp nướng khi chế biến với 16,1%. Hầu hết đối tượng sử dụng dầu thực vật để chế biến 57,4%, chỉ 5,2% sử dụng mỡ khi chế biến. Tỷ lệ người cao tuổi ăn đủ 3 bữa chính mỗi ngày là 83,9%; có 95,2% đối tượng ăn trái cây hàng ngày; chỉ có 35,3 % người cao tuổi sử dụng sữa và các chế phẩm từ sữa hằng ngày. Có 58,6% đối tượng uống nước chè và các loại lá tươi làm trà. Cần hướng dẫn người cao tuổi có thói quen ăn uống phù hợp hơn với lứa tuổi để đảm bảo sức khỏe.

Từ khóa: Tình trạng dinh dưỡng, người cao tuổi, thói quen ăn uống, MNA

SUMMARY

NUTRITIONAL STATUS AND THE ELDERLY'S EATING HABITS IN SOME WARDS IN NAM DINH CITY IN 2022

A cross-sectional study on 249 senior individuals residing in 2 wards My Xa and Loc Hoa, Nam Dinh City was carried out in 2022 with the goal of assessing the study participants' eating habits and malnutrition using MNA tools and pre-designed questionnaires. Findings: The proportion of elderly people at risk of malnutrition

and malnutrition was 30.9% and 10.4%, respectively. In terms of eating habits, the subjects with the habit of boiling and stir-frying were mainly 94% and 93.2%, the lowest was the baking method when processing with 16.1%. Most of the subjects used vegetable oil for processing 57.4%, and only 5.2% used fat for cooking. Only 35.3% of old individuals consume milk and dairy products daily, while 83.9% of the elderly eat three major meals a day. 95.2% of subjects consumed fruit everyday. 58.6% of the subjects drank tea or used fresh leaves to prepare tea. To preserve health, it is essential to teach elderly how to eat in a more age-appropriate way.

Keywords: Nutritional status, the elderly, eating habits, MNA

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay sự gia tăng số lượng người cao tuổi (NCT) đang diễn ra với tốc độ nhanh, đặc biệt tại các quốc gia đang phát triển. Theo Tổ chức Y tế Thế giới, số lượng NCT có thể đạt đến 1,4 tỷ người vào năm 2030 và 2,1 tỷ người vào năm 2050[1]. Tại Việt Nam, số lượng người cao tuổi (NCT) được dự báo sẽ đạt 17,28 triệu người vào năm 2029; 28,61 triệu người vào năm 2049 và 31,69 triệu người vào năm 2069. Tình trạng dinh dưỡng của NCT là một vấn đề quan trọng nhưng thường ít được quan tâm. Theo nghiên cứu cắt ngang của Hoàng Thị Bạch Yến và cộng sự (2022) cho thấy tỷ lệ NCT có nguy cơ suy dinh dưỡng (SDD) và SDD tại thành phố Huế theo MNA lần lượt là 33,8% và 2,2 % [2], còn theo nghiên cứu của Hà Thị Huyền Trang tại thành phố Đà Nẵng, kết quả là 35,5% NCT có nguy cơ SDD và 20,4% SDD[3]. Thói quen ăn uống có ảnh hưởng tới tình trạng mắc một số bệnh. Một nghiên cứu chỉ ra rằng có một số nhóm thức ăn có thể gây tăng nguy cơ ung thư: thịt đỏ, thịt chế biến sẵn (thịt xông khói, thịt đóng gói có

¹Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

Chịu trách nhiệm chính: Vũ Thị Nhung

Email: vunuhung87ytcd@gmail.com

Ngày nhận bài: 15.3.2023

Ngày phản biện khoa học: 9.5.2023

Ngày duyệt bài: 22.5.2023

chất bảo quản), ngược lại một số thức ăn có thể giảm nguy cơ ung thư như các thực phẩm nguồn thực vật như rau xanh, sữa đậu nành, bánh mì... Theo nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Lâm Oanh và cộng sự, có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về tần suất sử dụng các loại thực phẩm trứng, cá, thịt gà, các loại đậu, các loại củ, rau các loại, đồ ngọt, đồ ăn vặt giữa bệnh nhân không bị suy dinh dưỡng và bệnh nhân suy dinh dưỡng[4]. Điều này đòi hỏi vấn đề chăm sóc NCT cần được quan tâm hơn về chế độ dinh dưỡng. MNA là công cụ sàng lọc và đánh giá tình trạng dinh dưỡng cho NCT. Công cụ này đã được kiểm chứng có độ nhạy, độ đặc hiệu và giá trị tiên đoán rất cao (lần lượt là 96%, 98%, 97%). Do đó, chúng tôi sử dụng công cụ này trong nghiên cứu. "*Tình trạng suy dinh dưỡng và một số thói quen ăn uống của người cao tuổi tại một số phường, thành phố Nam Định năm 2022*" với hai mục tiêu:

1. Đánh giá tình trạng suy dinh dưỡng bằng công cụ MNA của người cao tuổi tại một số phường, thành phố Nam Định năm 2022.

2. Tìm hiểu thói quen ăn uống của người cao tuổi tại một số phường, thành phố Nam Định năm 2022.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng và thời gian nghiên cứu

Đối tượng: NCT tại 2 xã Mỹ Xá và Lộc Hòa, thành phố Nam Định

Tiêu chuẩn lựa chọn: người đủ 60 tuổi trở lên, không phân biệt giới tính, có hộ khẩu và đang sinh sống tại thành phố Nam Định vào thời điểm nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ: NCT không có khả năng giao tiếp, có bệnh lý về rối loạn trí nhớ, từ chối tham gia nghiên cứu, bị các khuyết tật trên cơ thể, không thuận lợi để tiến hành đo chỉ số nhân trắc như gù, cụt chân, các trường hợp đi đứng khó khăn hay không đi đứng được, có tiền sử mắc bệnh dạ dày, đái tháo đường và một số bệnh liên quan đến hội chứng kém hấp thu.

Thời gian: Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 7/2022 đến tháng 10/2022

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu được tiến hành theo phương pháp mô tả cắt ngang.

Cỡ mẫu và cách chọn mẫu:

Cỡ mẫu được tính theo công thức

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \frac{p(1-p)}{(d)^2}$$

Trong đó: + n; Số NCT cần điều tra tối thiểu
+ $Z_{1-\alpha/2}$: Giá Ưng với độ tin cậy 95% (α

=0,05) thì $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$

+ p: Tỷ lệ suy dinh dưỡng NCT tại Đà Nẵng, $p = 0,204$ [3], chọn $d = 0,05$

Thay các giá trị trên vào công thức tính cỡ mẫu ta được cỡ mẫu nghiên cứu là 250 NCT. Thực tế cỡ mẫu điều tra là 249 NCT.

Cách chọn mẫu: Lập danh sách NCT tại 2 xã Mỹ Xá, Lộc Hòa thuộc thành phố Nam Định,

Từ danh sách NCT có sẵn ở mỗi phường, tiến hành chọn mẫu ngẫu nhiên đơn để chọn ra đủ số người cần đưa vào mẫu của phường đó. Tổng 249 NCT được tiến hành NC

2.3. Phương pháp thu thập số liệu và đánh giá: - Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu và một số thói quen của đối tượng: Dùng bộ câu hỏi được thiết kế sẵn, phỏng vấn trực tiếp đối tượng NC

- Công cụ MNA có 6 câu hỏi. Tổng điểm tối đa là 14. Trong đó, nếu đối tượng đạt 12 – 14 điểm thì phân loại "tình trạng dinh dưỡng bình thường", nếu đạt 8-11 điểm thì phân loại "có nguy cơ SDD", còn dưới 7 điểm thì phân loại "SDD".

2.4. Phương pháp xử lý số liệu: Số liệu sau khi thu thập được làm sạch, nhập bằng Excel sau đó chuyển sang phần mềm SPSS 16.0 để phân tích số liệu.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thông tin chung đối tượng nghiên cứu (n=249)

Bảng 1: Thông tin chung đối tượng nghiên cứu

Thông tin		Số lượng (n)	Tỷ lệ %
Giới tính	Nam	104	41,8
	Nữ	145	58,2
Nhóm tuổi	60-74	165	66,3
	75-90	81	32,5
	≥90	3	1,2

Nhận xét: Trong số 249 đối tượng tham gia có 58,2% là nữ giới; 41,8% nam giới, độ tuổi trung bình của NCT là $71,8 \pm 76,9$. 100% đối tượng là dân tộc Kinh. Có 66,3% NCT ở độ tuổi 60 -74; có 32,5% NCT ở độ tuổi 75-90; có 1,2% NCT trên 90

3.2. Kết quả đánh giá suy dinh dưỡng của đối tượng theo MNA

Bảng 2. Tình trạng dinh dưỡng theo giới và nhóm tuổi (n=249)

Đặc điểm	Bình thường		Có nguy cơ SDD		SDD		
	n	%	n	%	n	%	
Giới tính	Nam (104)	62	59,6	31	29,8	11	10,6
	Nữ (145)	84	57,9	46	31,7	15	10,3
	Chung	146	58,6	77	30,9	26	10,4

Nhóm tuổi	60 - 74	95	57,6	60	36,4	10	6,1
	75 - 90	49	60,5	17	21	15	18,5
	≥ 91	2	66,7	0	0	1	33,3
	Chung	146	58,6	77	30,9	26	10,4

Nhận xét: Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở NCT chung là 10,4%, trong đó tỷ lệ SDD theo giới là 10,6 % với nam và 10,3% với nữ. Nguy cơ SDD ở người cao tuổi là 30,9%, trong đó ở nữ giới là 31,7%; và 29,8% ở nam giới. Tỷ lệ SDD theo độ tuổi cao nhất ở nhóm trên 90 tuổi với 33,3%, nhóm 60-74 tuổi là thấp nhất với 6,1%

Bảng 3. Thói quen chế biến và sử dụng chất béo của người cao tuổi (n=249)

Đặc điểm		n	%
Cách chế biến (hoặc gia đình chế biến cho NCT)	Kho	170	68,3
	Xào	232	93,2
	Rán/chiên	143	57,4
	Nướng/quay	40	16,1
	Ninh/hầm	176	70,7

Bảng 4. Thói quen sử dụng thức ăn của người cao tuổi (n=249)

Đặc điểm		Nam		Nữ		Chung	
		n	%	n	%	n	%
Số bữa ăn chính/ngày	3 bữa	82	78,8	127	87,6	209	83,9
	< 3 bữa	22	21,2	18	12,4	40	11,6
Lượng rau củ trung bình ăn vào mỗi ngày	<200 g	8	7,7	15	10,3	23	9,2
	200 - 300 g	65	62,5	105	72,4	170	68,3
	> 300 g	31	29,8	25	17,2	56	22,5
Ăn trái cây hằng ngày	Có	100	96,2	137	94,5	237	95,2
	Không	4	3,8	8	5,5	12	4,8
Ăn thực phẩm chế biến sẵn (mua ngoài cửa hàng bán đồ ăn sẵn, siêu thị tiện ích)	Không bao giờ	18	17,3	34	23,4	52	20,9
	Thường xuyên	12	11,5	24	16,6	36	14,5
	Thỉnh thoảng	74	71,2	87	60	161	64,7

Nhận xét: Có 83,9% NCT ăn 3 bữa chính trong ngày, có 68,3% NCT ăn rau lượng từ 200-300g một ngày, hầu hết NCT có sử dụng trái cây hàng ngày với tỷ lệ 95,2%. Có 20,9% NCT không ăn thực phẩm chế biến sẵn, trong khi có 14,5% NCT thường xuyên ăn.

Bảng 5: Thói quen sử dụng đồ uống của NCT (n = 249)

Đặc điểm		n	%
Sử dụng sữa nguồn thực vật(đậu nành, mè, đậu đen, đậu xanh...)	Có	76	30,5
	Không	173	69,5
Loại nước sử dụng chính	Nước lọc	23	9,2
	Nước trà (xanh, khô)	146	58,6
	Nước vối	32	12,9
	Khác	48	19,3
Sử dụng sữa động vật (dê, bò)	Có	88	35,3
	không	161	64,7

Nhận xét: Có 69,5% đối tượng NC không

	Luộc/hấp/chưng cách thủy	234	94
	Khác	19	7,6
Loại chất béo sử dụng để chế biến	Dầu thực vật	143	57,4
	Mỡ động vật	13	5,2
	Kết hợp	93	37,3
Ăn vùng lạc	Không ăn	91	36,5
	Thỉnh thoảng	116	46,6
	Thường xuyên	42	16,9

Nhận xét: Người cao tuổi có thói quen sử dụng phương pháp chế biến là xào và luộc là chủ yếu với tỷ lệ lần lượt là 93,2% và 94%. Phương pháp chế biến ít sử dụng nhất là nướng/quay 16,1% và phương pháp khác chiếm 7,6%. Tỷ lệ NCT sử dụng dầu thực vật khi chế biến chiếm tỷ lệ cao nhất với 57,4%; 5,2% NCT sử dụng mỡ động vật, tỷ lệ kết hợp dầu và mỡ khi chế biến là 37,3%. Có 36,5 % NCT không sử dụng vùng lạc.

sử dụng sữa nguồn thực vật, có 64,7% đối tượng không sử dụng sữa động vật. Có 58,6% NCT sử dụng nước chè hàng ngày, có 9,2% NCT sử dụng nước lọc, và 19,3 % NCT sử dụng các loại nước khác làm đồ uống.

IV. BÀN LUẬN

Tình trạng dinh dưỡng và thói quen ăn uống của người cao tuổi. Tỷ lệ người cao tuổi suy dinh dưỡng và có nguy cơ suy dinh dưỡng trong nghiên cứu này là 10,4%. Theo kết quả này, tỷ lệ NCT bị SDD tương đương nghiên cứu của tác giả Huỳnh Thị Hồng Nhung [5] khi nghiên cứu tình trạng dinh dưỡng NCT tại tỉnh Trà Vinh, cao hơn kết quả của tác giả Hoàng Thị Bạch Yến khi nghiên cứu NCT tại thành phố Huế cho kết quả là 2,2%[2], kết quả này thấp hơn so với nghiên cứu Kulnik và Elmadfa, cho kết quả là 37,8% NCT SDD [6]. Về kết quả NCT có nguy cơ SDD trong nghiên cứu của chúng tôi là 30,9%.

Kết quả này thấp hơn nhiều so với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Nhật Tảo và Phạm Thị Lan Anh[7] với tỷ lệ NCT SDD là 62,1%. Kết quả trong nghiên cứu này cao hơn không đáng kể so với kết quả nghiên cứu của Huỳnh Thị Hồng Nhung với tỷ lệ 29%[5]. Trong hầu hết các nghiên cứu tình trạng dinh dưỡng ở người cao tuổi theo công cụ MNA đều cho một kết quả khá cao về tỷ lệ người cao tuổi có nguy cơ suy dinh dưỡng, điều này cho thấy chúng ta cần quan tâm nhiều hơn về vấn đề dinh dưỡng cho đối tượng NCT, giúp NCT có cuộc sống chất lượng hơn ở tuổi già, sống vui, khỏe. Về thói quen chế biến thức ăn trong nghiên cứu cho thấy, đối tượng chủ yếu sử dụng phương pháp luộc/hấp và xào với tỷ lệ 94% và 93,2%, tiếp theo là phương pháp ninh/hầm và kho với tỷ lệ 70,7% và 68,3%, thấp nhất là phương pháp nướng với 16,1%. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cao hơn nhiều so với kết quả của tác giả Hoàng Thị Bạch Yến[2] cho kết quả 24,5% đối tượng có thói quen chế biến xào, 24,2% là luộc/hấp/chung cách thủy và 22,5% là kho. Nghiên cứu này cũng cao hơn so với nghiên cứu của Trần Thị Phúc Nguyệt và Nguyễn Văn Khiêm tại tỉnh Nam Định thì NCT sử dụng phương pháp ninh như là 48%[8]. Loại chất béo mà các đối tượng sử dụng để chế biến nhiều nhất là dầu thực vật (57,4%). Có 37,3% NCT sử dụng kết hợp mỡ động vật và dầu thực vật, chỉ có 5,2% NCT sử dụng mỡ khi chế biến thực phẩm. Hiện nay, theo mười lời khuyên về ăn uống theo khuyến nghị của Viện Dinh Dưỡng quốc gia, nên sử dụng phối hợp giữa mỡ động vật và dầu thực vật, tuy nhiên theo nghiên cứu của chúng tôi thì tỷ lệ dùng kết hợp còn thấp, chỉ 37,3%. Vừng lạc là nguồn chất béo thực vật, có lợi cho sức khỏe tim mạch, bên cạnh đó, vừng lạc còn là nguồn cung cấp chất xơ quý, rất phù hợp cho khẩu phần ăn của người cao tuổi, tuy nhiên theo kết quả của chúng tôi chỉ có 16,9% NCT thường xuyên ăn, và một lượng khá cao 36,5% NCT không ăn vừng lạc. Hầu hết các đối tượng nghiên cứu đều ăn đủ 3 bữa chính mỗi ngày với tỷ lệ 83,9%. Đa phần NCT tiêu thụ khoảng 200-300g rau củ mỗi ngày, trong khi đó NCT tiêu thụ dưới 200 g chỉ chiếm 9,2%. Cũng theo khuyến nghị của Viện dinh dưỡng, người trưởng thành nên ăn 3-4 đơn vị rau mỗi ngày, như vậy theo nghiên cứu này NCT đã ăn lượng rau tương đối tốt so với khuyến nghị (240-300g rau). Có tới 95,2% NCT có ăn trái cây mỗi ngày, tỷ lệ này ở nam và nữ là xấp xỉ nhau. Rau và trái cây là những thực phẩm rất có lợi cho sức khỏe của mọi người, đặc biệt là người cao tuổi vì cung

cấp chất xơ, các vitamin và khoáng chất, lại dễ hấp thu. Điều này cho thấy hiện nay, NCT đã hiểu biết và quan tâm về vai trò của rau và trái cây đối với sức khỏe. Theo kết quả nghiên cứu, NCT hiện vẫn còn tỷ lệ cao 64,7% NCT thỉnh thoảng sử dụng thực phẩm chế biến sẵn, điều này cũng cần lưu tâm, vì thực phẩm chế biến sẵn thường tiềm ẩn các nguy cơ về an toàn vệ sinh thực phẩm với sức khỏe, đặc biệt là người cao tuổi. Đa số NCT không sử dụng sữa hoặc các chế phẩm từ sữa mỗi ngày (64,7%), sữa nguồn thực vật cũng chỉ số ít NCT quan tâm sử dụng với 30,5%. Sữa được coi là thực phẩm dinh dưỡng hoàn hảo với nhiều chất dinh dưỡng cần thiết, dễ hấp thu, sữa cũng được coi là nguồn thực phẩm giàu canxi. Người cao tuổi do yếu tố sinh lý và không có thói quen sử dụng sữa và các chế phẩm nên là đối tượng có nguy cơ cao bị thiếu canxi dẫn đến loãng xương, do đó cần có biện pháp truyền thông giúp đối tượng NCT hiểu hơn về tác dụng của việc sử dụng sữa và các chế phẩm với sức khỏe. Tuy nhiên giá thành sữa hiện nay cũng khá cao không phải ai cũng có thể tiếp cận được với loại thực phẩm này. Nước được coi là nhu cầu thiết yếu, cơ thể người trưởng thành khoảng 70 – 80% là nước, việc bổ sung nước hàng ngày là vô cùng cần thiết, giúp cho quá trình tiêu hóa, chuyển hóa, đào thải độc tố..., trong nghiên cứu của chúng tôi, NCT ít quan tâm đến việc bổ sung bằng nước lọc, chỉ có 9,2%, trong khi đó có tới 58,6% NCT sử dụng nước chè (xanh, khô) làm đồ uống hàng ngày. Điều này có thể do thói quen sử dụng nước chè ở NCT Việt Nam, và nước chè cũng được coi là 1 thực phẩm chứa chất chống oxy hóa có lợi cho sức khỏe. Tuy nhiên nếu chỉ uống nước chè, thì NCT khó đáp ứng được nhu cầu nước cho cơ thể do đó cần khuyến khích NCT sử dụng thêm nước lọc giúp người cao tuổi nhận đủ nhu cầu nước trong ngày.

V. KẾT LUẬN

- Tỷ lệ SDD và có nguy cơ SDD ở NCT lần lượt là 10,4% và 30,9%

- Tỷ lệ NCT có thói quen chế biến luộc là 94% và xào là 93,2%, phương pháp nướng chiếm 16,1%, tỷ lệ đối tượng sử dụng dầu thực vật để chế biến 57,4%, 5,2% sử dụng mỡ khi chế biến. Tỷ lệ người cao tuổi ăn đủ 3 bữa chính mỗi ngày là 83,9%; có 95,2% đối tượng ăn trái cây hàng ngày; có 35,3% người cao tuổi sử dụng sữa và các chế phẩm từ sữa hằng ngày. Có 58,6% đối tượng uống nước chè và các loại lá tươi làm trà.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. WHO. Nutrition for older persons 2017. Access date 03/04/2022. URL: <http://www.who.int/nutrition/topics/ageing/en/index1.html>.
2. Hoàng Thị Bạch Yến, Trần Thị Thu Diệu, Nguyễn Thị Minh Thư, Võ Thị Thảo. "Đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng công cụ MNA và thói quen ăn uống của người cao tuổi tại một số phường, thành phố Huế". Tạp chí Y dược học Trường Đại học Y Dược Huế, số 6, tập 12, tháng 11/2022.
3. Hà Thị Huyền Trang, Võ Thị Ngọc Hà. "Nghiên cứu tình trạng suy dinh dưỡng và các yếu tố liên quan ở người cao tuổi tại quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, năm 2021" Hội nghị khoa học toàn quốc năm 2023, P49-2, tr 168
4. Nguyễn Thị Lâm Oanh, Hoàng Thị Bạch Yến, Hoàng Anh Tiên "Tình trạng dinh dưỡng và thói quen ăn uống của bệnh nhân cao tuổi điều trị nội trú tại khoa Nội Tim mạch Bệnh viện trường Đại học Y dược Huế" Tạp chí tim mạch học Việt Nam, số 98-2021.
5. Huỳnh Thị Hồng Nhung, Nguyễn Lê Thanh Trúc, Nguyễn Thị Thủy Duy, Thạch Thị Thanh Thúy, Cao Thanh Ngọc "Tình trạng dinh dưỡng và mức độ hoạt động thể lực của người cao tuổi tại tỉnh Trà Vinh" Tạp chí Y học Việt Nam số 2 tập 523 tháng 2/2023
6. Kulnik D, Elmadfa I. Assessment of the nutritional situation of elderly nursing home residents in Vienna. Ann Nutr Metab. 2008; 52 (1):51-3
7. Nguyễn Thị Nhật Tảo, Phạm Thị Lan Anh. "Tỷ lệ suy dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan ở người cao tuổi dân tộc Khmer tại huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh năm 2020". Tạp chí Y học dự phòng. 2021;31(3):121-8.
8. Trần Thị Phúc Nguyệt, Nguyễn Văn Khiêm. "Tình trạng dinh dưỡng của người cao tuổi xã Hải Toàn, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định năm 2012". Tạp chí Y học dự phòng. 2014;24(7):156

ĐÁNH GIÁ SỰ TUÂN THỦ QUY TRÌNH XÉT NGHIỆM DUNG NẠP GLUCOSE 75GRAM - 2 GIỜ ĐƯỜNG UỐNG TÂM SOÁT ĐÁI THÁO ĐƯỜNG THAI KÌ CỦA SẢN PHỤ TẠI BỆNH VIỆN TỪ DŨ

Nguyễn Cao Vân¹, Trịnh Huyền Trang², Cao Hữu Thịnh³,
Bùi Lâm Thương¹, Võ Minh Tuấn¹

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Việc tuân thủ quá trình làm nghiệm pháp dung nạp glucose 75gram - 2 giờ đường uống của sản phụ ảnh hưởng nhiều đến kết quả. Biết được tỉ lệ các sản phụ tuân thủ quy trình, cũng như các bước sản phụ thường thực hiện sai, từ đó phát triển các phương tiện truyền thông hướng dẫn họ thực hiện đúng. **Mục tiêu:** Xác định tỉ lệ sản phụ tuân thủ đúng quy trình xét nghiệm dung nạp glucose 75gram - 2 giờ đường uống tại bệnh viện Từ Dũ. **Phương pháp:** Nghiên cứu cắt ngang trên 140 sản phụ thực hiện nghiệm pháp dung nạp glucose 75gram - 2 giờ đường uống tại bệnh viện Từ Dũ từ 01/2023 đến 04/2023, thu thập số liệu bằng phương pháp quan sát và phỏng vấn theo bảng thu thập số liệu. **Kết quả:** Tỉ lệ các sản phụ thực hiện đúng nghiệm pháp dung nạp glucose 75gram - 2 giờ đường uống là 16,4%. Các bước thường sai là bước uống nước đường, thời điểm lấy máu trẻ và sản phụ đi lại nhiều trong thời gian làm xét nghiệm, với tỉ lệ lần lượt là 30,7%, 16,5% và 69,3%. **Kết luận:** Cần phát triển phương thức truyền thông

như tờ rơi để hướng dẫn các sản phụ.

Từ khóa: nghiệm pháp dung nạp glucose 75gram - 2 giờ đường uống, tuân thủ

SUMMARY

THE ASSESSMENT OF PREGNANT WOMEN ADHERENCE TO SCREENING FOR GESTATIONAL DIABETES (THE ORAL GLUCOSE TOLERANCE TEST) BY ADMINISTRATING 75GRAM ORAL GLUCOSE IN 2 HOURS IN TU DU HOSPITAL

Background: Pregnant women's medical adherence might have a heavy influence on the the oral glucose tolerance test result. According to the percentage of women complying with the procedure and the steps that they often carried out falsely, The development of indirect means of communication or traditional print media to guide mothers through the procedure is considerably essential. **Objective:** Determine the percentage of pregnant women who strictly followed the procedure of the oral glucose tolerance test with 75g glucose in Tu Du Hospital. **Methods:** A cross-sectional study of 140 pregnant women who underwent a glucose tolerance test of 75 grams - 2 hours orally in Tu Du hospital from January to April in 2023. Techniques for gathering data are observation and interviews, which are based on the data collection tool. **Results:** The proportion of women who correctly took every steps of the 75gram - 2 hour oral glucose tolerance test was about 16.4%. The steps that were often performed incorrectly were

¹Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh

²Bệnh viện Từ Dũ

³Bệnh viện An Sinh

Chịu trách nhiệm chính: Võ Minh Tuấn

Email: vominhluan@ump.edu.vn

Ngày nhận bài: 17.3.2023

Ngày phản biện khoa học: 12.5.2023

Ngày duyệt bài: 23.5.2023